

**CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ
KIẾN THIẾT CÀ MAU**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ KIỂM TOÁN**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 4
- BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5 – 6
- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 – 9
- KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11
- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 – 39

577
H N
G
C
V

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT CÀ MAU BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty hân hạnh trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Cà Mau (dưới đây gọi tắt là Công ty) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022.

1. Khái quát về Công ty

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Cà Mau được chuyển đổi từ Công ty Xổ số Kiến thiết tỉnh Cà Mau theo Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau và được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000266927 đăng ký lần đầu ngày 27/5/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 02/11/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 09, đường Phan Ngọc Hiển, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Chủ sở hữu Công ty: Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 464.000.000.000 đồng.

Vốn góp của chủ sở hữu thực tế tại ngày 31/12/2022 là 464.000.000.000 đồng.

2. Cấu trúc Công ty

Thông tin về công ty liên kết:

Công ty CP Dịch vụ - In Trần Ngọc Hy Cà Mau:

- Địa chỉ: số 98, đường Lý Thường Kiệt, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực in ấn và các dịch vụ hỗ trợ khác;
- Vốn điều lệ: 5.200.000.000 đồng;
- Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Cà Mau đầu tư 2.826.729.600 đồng để sở hữu 249.600 cổ phần của Công ty CP Dịch vụ - In Trần Ngọc Hy Cà Mau, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000, chiếm 48,00% vốn điều lệ;
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Cà Mau: 48,00%;
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Cà Mau: 48,00%.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Các loại hình xổ số bao gồm: xổ số truyền thống, xổ số tự chọn, xổ số biết kết quả ngay, các loại hình xổ số khác theo quy định của pháp luật;
- Các hoạt động vui chơi giải trí có thưởng theo quy định của pháp luật;
- Làm đại lý, hợp tác kinh doanh các dịch vụ máy đánh bạc, cá cược...theo quy định của pháp luật;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;

0-0
ÁN
/ TP
OÁ
VIỆ
P.1

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT CÀ MAU
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Hoạt động của trụ sở văn phòng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cơ sở lưu trú khác;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Hoạt động quảng cáo;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Đầu tư vốn vào các công ty khác.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2022 bao gồm các hoạt động:

- Xổ số truyền thống;
- Đầu tư vốn vào các công ty khác.

4. Chủ tịch Công ty

Chủ tịch Công ty đương nhiệm trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Lê Thanh Hải	Chủ tịch	01/8/2020	

Theo Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, thời hạn bổ nhiệm lại chức vụ Chủ tịch Công ty đối với Ông Lê Thanh Hải là 5 năm kể từ ngày 01/8/2020.

5. Kiểm soát viên

Ban kiểm soát Công ty đương nhiệm trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Lê Tiến Hòa	Kiểm soát viên	08/8/2021	

Theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 05/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, thời hạn bổ nhiệm chức vụ Kiểm soát viên đối với Ông Lê Tiến Hòa là 5 năm kể từ ngày 08/8/2021.

6. Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty đương nhiệm trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Võ Quốc Tiến	Giám đốc	31/5/2019	
Bà Nguyễn Đỗ Hồng Hạnh	Phó Giám đốc	01/2/2020	
Bà Tô Hồng Quyên	Kế toán trưởng	01/7/2022	
Bà Huỳnh Xuân Duyên	Phụ trách kế toán	20/8/2021	01/7/2022

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT CÀ MAU
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đương nhiệm trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ tên

Chức danh

- Ông Lê Thanh Hải

Chủ tịch Công ty

Theo quy định của Điều lệ Công ty, Ông Võ Quốc Tiến, Giám đốc chịu trách nhiệm điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty và Ông Lê Thanh Hải, Chủ tịch Công ty sẽ là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

7. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 7 đến trang 39.

8. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: không có.

9. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

10. Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

11. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT CÀ MAU
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

12. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã được lập và phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc vào cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty xổ số kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cà Mau, ngày 22 tháng 3 năm 2023



TM. BAN GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC

Võ Quốc Tiên
VÕ QUỐC TIẾN



Số: 22.22/2023/BCKT/SV – CNI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các cổ đông
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT CÀ MAU

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Cà Mau ("Công ty") được lập ngày 22 tháng 3 năm 2023, từ trang 7 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH TP.HCM

366/7A Chu Văn An, Phường 12, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Tel : (84-028) 3553 3730 - 3553 3731 * Fax : (84-028) 3553 3732
Email : saoviet1011@vnn.vn

VĂN PHÒNG CHI NHÁNH CẦN THƠ

Lô 66, Đường số 11, Khu dân cư công ty Cổ phần xây dựng TP.Cần Thơ,
P.Hưng Thạnh, Q.Cái Răng, TP.Cần Thơ
Tel : (0292) 3765 999 * Fax: (0292) 3765 766 * Email : svc-ct@vnn.vn

50-00
HÀNH
Y TN
TOÁN
VIỆ
TP. C



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Cà Mau tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho Công ty xổ số và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Quang Nhơn
Phó Giám Đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0325-2023-107-1
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt
Cần Thơ, ngày 22 tháng 3 năm 2023

Trần Phương Yên
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3601-2021-107-1





CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT CÀ MAU
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số : B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		690.578.356.277	584.598.300.738
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>		<i>14.948.745.422</i>	<i>353.156.174.647</i>
1. Tiền	111	V.1	14.948.745.422	3.430.329.742
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.2	-	349.725.844.905
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>		<i>380.027.783.971</i>	<i>50.578.234.435</i>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.3	380.027.783.971	50.578.234.435
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		<i>291.477.623.017</i>	<i>168.347.241.209</i>
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	282.712.486.360	162.261.848.325
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	235.763.000	230.263.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	8.529.373.657	5.855.129.884
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>		<i>3.766.612.873</i>	<i>2.316.589.510</i>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	3.766.612.873	2.316.589.510
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>357.590.994</i>	<i>10.200.060.937</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	271.770.640	115.279.135
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154	V.15	-	9.115.276.183
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	85.820.354	969.505.619
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45.949.637.954	47.645.245.679
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>39.936.246.969</i>	<i>41.551.849.422</i>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	23.763.281.134	25.378.883.587
- Nguyên giá	222		53.504.597.285	53.525.894.557
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.741.316.151)	(28.147.010.970)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	16.172.965.835	16.172.965.835
- Nguyên giá	228		16.437.235.835	16.437.235.835
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(264.270.000)	(264.270.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<i>240</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>		<i>2.826.729.600</i>	<i>2.826.729.600</i>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	2.826.729.600	2.826.729.600
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>3.186.661.385</i>	<i>3.266.666.657</i>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	3.186.661.385	3.266.666.657
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		736.527.994.231	632.243.546.417

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính



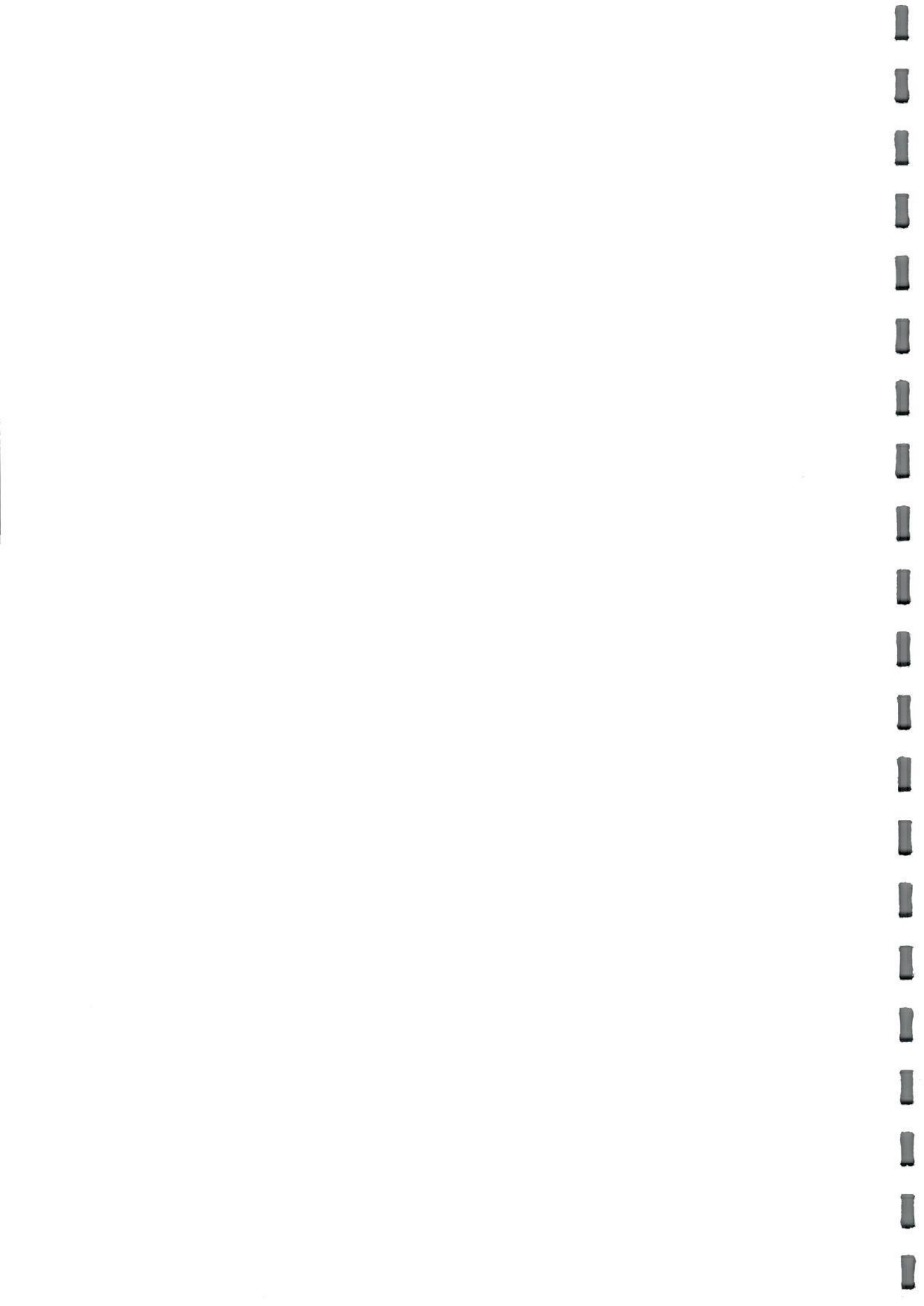
CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT CÀ MAU
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số : B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2022	01/01/2022
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		272.527.994.231	168.243.546.417
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>272.527.994.231</i>	<i>168.243.546.417</i>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.14	30.000.000	-
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	91.590.249.144	61.147.693.976
5. Phải trả người lao động	315	V.16	4.808.196.641	5.825.912.342
6. Chi phí phải trả	316	V.17	2.212.389.600	2.080.320.800
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	4.563.211.777	269.588.780
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Dự phòng rủi ro trả thưởng	321	V.19	166.194.344.400	94.525.152.600
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	3.129.602.669	4.394.877.919
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<i>330</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Quỹ bình ổn giá xăng dầu	340		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		464.000.000.000	464.000.000.000
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>	<i>V.21</i>	<i>464.000.000.000</i>	<i>464.000.000.000</i>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		464.000.000.000	464.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<i>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</i>	<i>430</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		736.527.994.231	632.243.546.417

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Vé số nhận bán hộ		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		742.835.851	742.835.851
5. Công cụ, dụng cụ lâu bền đang sử dụng		-	-
6. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp	V.22	434.442.950.058	377.872.517.023
7. Ngoại tệ các loại		-	-
8. Doanh số phát hành xổ số		110.000.000.000	110.000.000.000



Trần Bá Phát
Người lập

Tô Hồng Quyên
Kế toán trưởng

Võ Quốc Tiến
Giám đốc

Cà Mau, ngày 22 tháng 03 năm 2023



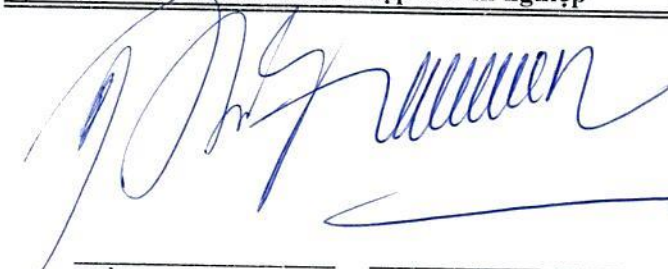
CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT CÀ MAU
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số : B 02 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Thuyết minh	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		5.036.209.072.698	2.864.431.902.720
1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số	01.1		5.036.192.254.516	2.864.398.563.629
1.2. Doanh thu kinh doanh khác	01.2		16.818.182	33.339.091
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.1	656.894.641.961	373.617.203.995
2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số	02.1		656.894.641.961	373.617.203.995
2.2. Giảm trừ doanh thu kinh doanh khác	02.2		-	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	4.379.314.430.737	2.490.814.698.725
3.1. Doanh thu thuần kinh doanh xổ số	10.1		4.379.297.612.555	2.490.781.359.634
3.2. Doanh thu thuần kinh doanh khác	10.2		16.818.182	33.339.091
4. Chi phí kinh doanh	11		3.634.544.898.999	2.087.256.524.849
4.1. Chi phí kinh doanh xổ số	11.1	VI.2	3.634.544.898.999	2.087.256.524.849
4.1.1. Chi phí trả thưởng	11.1.1		2.668.648.600.000	1.579.441.600.000
4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2		965.896.298.999	507.814.924.849
4.2. Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán	11.2		-	-
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20		744.769.531.738	403.558.173.876
5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số	20.1		744.752.713.556	403.524.834.785
5.2. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh khác	20.2		16.818.182	33.339.091
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	19.968.965.335	22.400.034.709
7. Chi phí tài chính	22		-	74.151.260
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	74.151.260
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	41.334.862.403	37.026.219.449
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		723.403.634.670	388.857.837.876
11. Thu nhập khác	31	VI.5	1.025.706.986	6.572.345.442
12. Chi phí khác	32	VI.6	649.199.450	50.500.000
13. Lợi nhuận khác	40		376.507.536	6.521.845.442
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		723.780.142.206	395.379.683.318
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		144.412.657.150	78.517.189.743
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		579.367.485.056	316.862.493.575



Trần Bá Phát
 Người lập

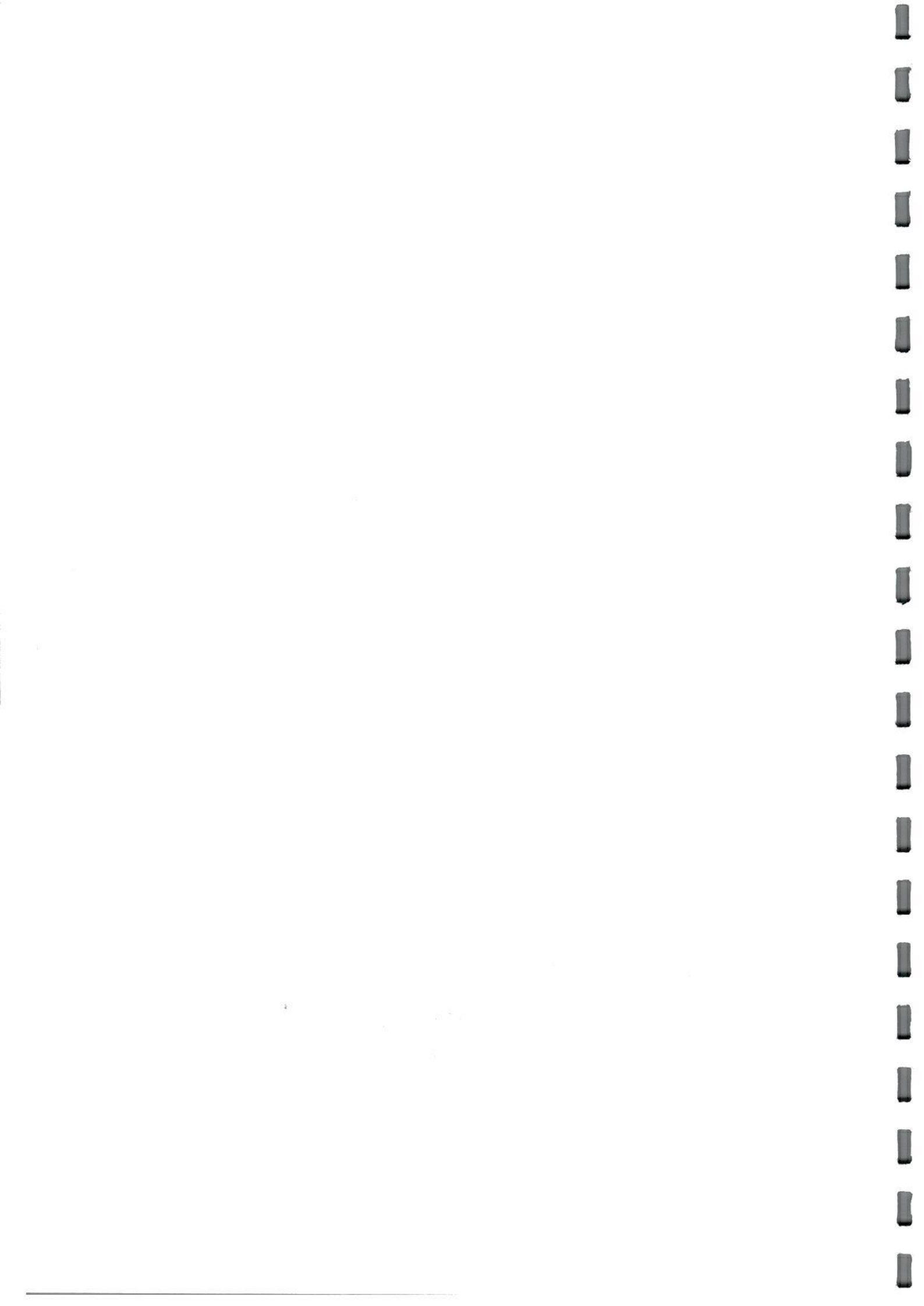
 

Tô Hồng Quyền
 Kế toán trưởng

Võ Quốc Tiên
 Giám đốc

Cà Mau, ngày 22 tháng 03 năm 2023





CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỞ KIẾN THIẾT CÀ MAU
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số : B 03 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

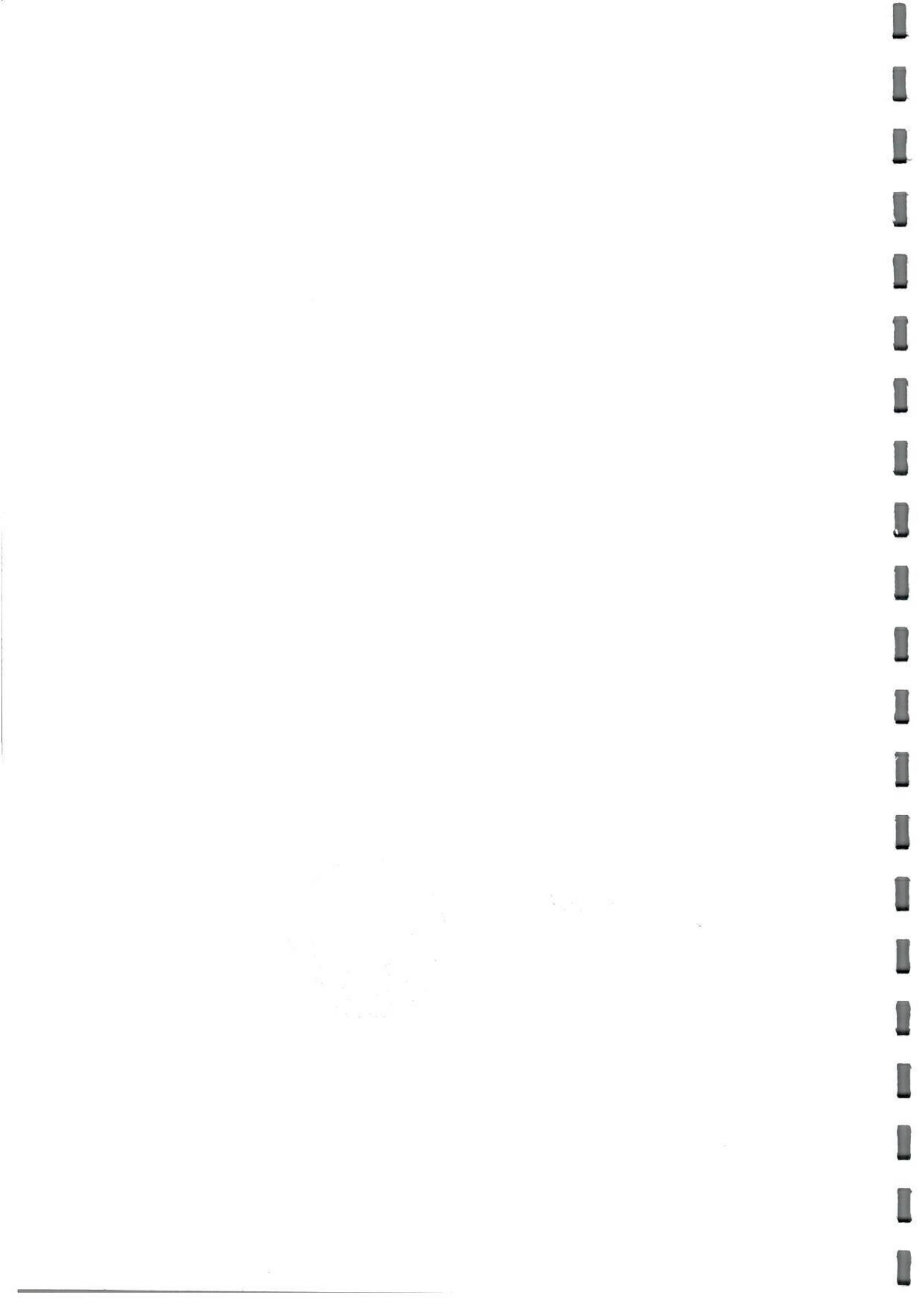
Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	4.630.994.687.211	2.816.755.585.730
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(1.737.676.326.289)	(282.607.902.114)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(23.627.757.764)	(19.421.686.274)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(74.151.260)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(132.483.078.252)	(106.195.418.950)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	18.623.765.938	109.974.525.039
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.202.464.766.696)	(2.199.289.431.154)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	553.366.524.148	319.141.521.017
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(181.702.728)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	20.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(912.328.244.694)	(679.853.339.773)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	582.878.695.158	1.139.841.387.233
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.469.611.898	20.859.895.361
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(321.141.640.366)	480.847.942.821
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	95.840.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(95.840.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(570.432.313.007)	(461.677.109.601)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(570.432.313.007)	(461.677.109.601)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(338.207.429.225)	338.312.354.237
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	353.156.174.647	14.843.820.410
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	14.948.745.422	353.156.174.647

Trần Bá Phát
Người lập

Tô Hồng Quyên
Kế toán trưởng

Võ Quốc Tiên
Giám đốc

Cà Mau, ngày 22 tháng 03 năm 2023



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết Cà Mau (sau đây gọi tắt là Công ty) được chuyển đổi từ Công ty Xổ số Kiến thiết tỉnh Cà Mau theo Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau và được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000266927 đăng ký lần đầu ngày 27/5/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 02/11/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 09, đường Phan Ngọc Hiển, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Chủ sở hữu Công ty: Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 464.000.000.000.

Vốn góp của chủ sở hữu thực tế tại ngày 31/12/2022 là 464.000.000.000.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh xổ số truyền thống.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Các loại hình xổ số bao gồm: xổ số truyền thống, xổ số tự chọn, xổ số biết kết quả ngay, các loại hình xổ số khác theo quy định của pháp luật;
- Các hoạt động vui chơi giải trí có thưởng theo quy định của pháp luật;
- Làm đại lý, hợp tác kinh doanh các dịch vụ máy đánh bạc, cá cược...theo quy định của pháp luật;
- In ấn;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Hoạt động của trụ sở văn phòng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cơ sở lưu trú khác;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Hoạt động quảng cáo;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Đầu tư vốn vào các công ty khác.

AS
CHI
ÔNG
KIỂM
SAC
SNG



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2022 và đến thời điểm này bao gồm các hoạt động:

- Xổ số truyền thống;
- Đầu tư vốn vào các công ty khác.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: không có.

Thông tin về công ty con: không có.

Thông tin về công ty liên kết:

Công ty CP Dịch vụ - In Trần Ngọc Hy Cà Mau:

- Địa chỉ: số 98, đường Lý Thường Kiệt, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực in ấn và các dịch vụ hỗ trợ khác;
- Vốn điều lệ: 5.200.000.000;
- Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Cà Mau đầu tư 2.826.729.600 (mua thông qua đấu giá) để sở hữu 249.600 cổ phần của Công ty CP Dịch vụ - In Trần Ngọc Hy Cà Mau, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000, chiếm 48,00% vốn điều lệ;
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Cà Mau: 48,00%;
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Cà Mau: 48,00%.

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, người quản lý doanh nghiệp là 5 người, người lao động là 63 người. Tổng số công nhân viên chức lao động của Công ty là 68 người.

8. Thông tin so sánh

Các số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2022 so sánh được với số liệu tương ứng của năm.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19/8/2009 của Bộ Tài Chính hướng dẫn Chế độ kế toán đối với Công ty xổ số kiến thiết và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Thông tư hướng dẫn thực hiện các Chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, Chế độ kế toán đối với Công ty xổ số kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng: không có.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến luồng tiền).

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Lệnh kế toán số 88/2015/QH13 được Quốc Hội ban hành ngày 20/11/2015 đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm các quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này nên Ban Giám đốc đang xem xét và áp dụng đối với tài sản và nợ phải trả theo nguyên tắc giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư ngắn hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư ngắn hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ kế toán và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỞ KIẾN THIẾT CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận trong báo cáo tài chính của Công ty theo phương pháp giá gốc. Giá gốc của các khoản đầu tư này bao gồm phần vốn góp hoặc giá thực tế mua khoản đầu tư cộng (+) các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, thuế, phí, lệ phí... Cổ tức, lợi nhuận trước khi đầu tư nhận được sẽ ghi giảm giá trị khoản đầu tư đó. Cổ tức, lợi nhuận sau khi đầu tư nhận được sẽ ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản được chia khác được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Tăng, giảm số dư dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Tại ngày 31/12/2022, Công ty không có khoản đầu tư tài chính nào bị giảm giá cần trích lập dự phòng.

5. Nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị, cá nhân độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

A57
CHÍNH
NG
IỂM
AO
NG

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào mức tổn thất dự kiến để lập dự phòng.

Tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nêu trên phù hợp với tỷ lệ quy định tại Thông tư số 48/2019/TT – BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài Chính.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tại ngày 31/12/2022, Công ty không có nợ khó đòi cần lập dự phòng.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất sản phẩm.

Phương pháp tính giá xuất kho: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của từng mặt hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng các tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được phân bổ dần hoặc ghi nhận hết vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

50-0
HÀNG
TY TH
TOÁN
VIỆ
TP. C

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định hữu hình như sau:

Nhóm TSCĐ	Thời gian khấu hao ước tính
- Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 13 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 12 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06 năm

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được phân bổ dần hoặc ghi nhận hết vào chi phí kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan đến đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

Quyền sử dụng đất của Công ty lâu dài nên không trích khấu hao.

Chương trình phần mềm kế toán

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm kế toán không phải là một bộ phận gắn liền với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 6 năm.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Chi phí trả trước

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ dụng cụ

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tối đa không quá 3 năm.

Các chi phí trả trước khác

Các chi phí trả trước khác căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

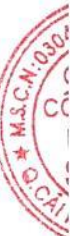
10. Nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

Năm 2022, công ty không phát sinh vay và nợ phải trả thuê tài chính.

12. Vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán.

Trong năm 2022, không có phát sinh chi phí đi vay cần được vốn hóa.

13. Chi phí tiền lương

Trong năm 2022, Công ty trích quỹ lương viên chức quản lý và quỹ lương cán bộ, công nhân viên vào chi phí theo theo Quyết định phê duyệt quỹ lương thực hiện năm 2021 và quỹ lương kế hoạch năm 2022 của người quản lý số 1304/QĐ-UBND ngày 06/05/2022; Quyết định phê duyệt quỹ lương thực hiện năm 2021 và quỹ lương kế hoạch năm 2022 của người lao động số 16/QĐ-CTXSCM ngày 31/03/2022.

14. Dự phòng rủi ro trả thưởng

Theo quy định tại Nghị định số 122/2017/NĐ – CP ngày 13/11/2017 của Chính Phủ, điều kiện được trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng là khi trong kỳ trích lập doanh nghiệp kinh doanh xổ số có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch của từng loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Theo hướng dẫn của Thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 04/6/2013 của Bộ Tài Chính, tỷ lệ trả thưởng tối đa đối với xổ số truyền thống là 50% trên tổng giá trị phát hành.

Tại thời điểm trích lập, tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng của doanh nghiệp kinh doanh xổ số hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Nam không được vượt quá 3% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số.

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng để trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang kỳ sau.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số có số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đã trích lập trong kỳ vượt giới hạn quy định thì phải hoàn nhập vào thu nhập khác.

15. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

16. Phân phối lợi nhuận

Năm 2022, Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo quy định tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 và Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận sau thuế dựa trên xếp loại doanh nghiệp loại B. Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh lại khi có quyết định chính thức của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phân phối lợi nhuận tại thời điểm cuối năm.

17. Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi được ghi nhận theo nguyên tắc dự thu dựa trên thời gian và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Đối với cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi có nghị quyết hoặc quyết định chia.

18. Chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc phù hợp, thận trọng và bảo toàn vốn, không phân biệt đã chi tiền hay chưa chi tiền. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực và hợp lý.

19. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Tiền mặt	1.084.418.676	2.400.517.228
Tiền gửi ngân hàng	13.864.326.746 (1.1)	1.029.812.514
Cộng	<u>14.948.745.422</u>	<u>3.430.329.742</u>

1.1 Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	3.321.830.437	143.553.742
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đất Mũi	8.541.678.391	30.084.107
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hàm Nghi	105.902.182	146.230.937
- Các ngân hàng khác	1.894.915.736	709.963.728
Cộng	<u>13.864.326.746</u>	<u>1.029.812.514</u>

2. Các khoản tương đương tiền

Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại các ngân hàng

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đất Mũi	-	153.191.341.700
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	-	101.043.854.325
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang	-	30.814.547.290
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hàm Nghi	-	20.291.307.082
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Cà Mau	-	18.426.737.051
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Cà Mau	-	15.865.304.032

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

457
 CHỈ M
 ÔNG T
 KIỂM
 SAO
 ẮNG

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại các ngân hàng		
	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Tho	-	10.092.753.425
Cộng	-	349.725.844.905

Tiền gửi kỳ hạn 6 tháng tại các ngân hàng		
	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	105.786.713.420	20.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Cà Mau	24.097.647.494	10.952.790.036
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hậu Giang	32.439.932.411	9.047.320.295
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Cà Mau	21.873.918.432	5.578.124.104
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau	5.193.395.950	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đất Mũi	155.294.716.404	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hàm Nghi	20.876.356.648	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Tho	14.465.103.212	-
Cộng	380.027.783.971	50.578.234.435

4. Phải thu ngắn hạn khách hàng

Khách hàng	<u>31/12/2022</u>		<u>01/01/2022</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
- Phải thu các đại lý (tiền vé số) (*)	282.389.764.750	-	161.929.948.325	-
- Phải thu tiền vé trúng sai	322.721.610	-	331.900.000	-
Cộng	282.712.486.360	-	162.261.848.325	-

(*) Đây là nợ phải thu các đại lý vé số tại ngày 31/12/2022. Kỳ nợ bình quân tại ngày 31/12/2022 của các đại lý vé số là 2,58 kỳ, không vượt kỳ nợ cho phép quy định tại Thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 04/6/2013 của Bộ Tài Chính.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Người bán	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Công ty CP Tư vấn Kiến trúc Xây dựng VIVA	99.123.000	-	99.123.000	-
- BQL Dự án Công trình Xây dựng tỉnh Cà Mau	92.640.000	-	92.640.000	-
- Các nhà cung cấp khác	44.000.000	-	38.500.000	-
Cộng	235.763.000	-	230.263.000	-

6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Phải thu lại bảo hiểm của người lao động	62.560.409	-	63.659.309	-
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.976.364.466	-	1.784.467.644	-
- Phải thu lại vé trúng thưởng giá đã trả - chờ giải quyết	380.000.000	-	380.000.000	-
- Phải thu lại tiền thanh lý thẻ chấp chi thừa cho đại lý vé số	-	-	18.165.537	-
- Phải thu tiền lãi đối với phần nợ vé số vượt định mức của đại lý vé số Nguyễn Hoàng Anh	-	-	3.607.668.346	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.110.448.782	-	1.169.048	-
Cộng	8.529.373.657	-	5.855.129.884	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Hàng tồn kho

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	3.056.994.599 (6.1)	1.689.869.893
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	709.618.274 (6.2)	626.719.617
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>3.766.612.873</u>	<u>2.316.589.510</u>

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có.
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ: không có.
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có.

7.1 Đây là giá trị giấy in vé số gửi tại Công ty Cổ phần Dịch vụ - In Trần Ngọc Hy Cà Mau.

7.2 Đây là chi phí in vé số.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Chi phí bảo hiểm	45.933.927	47.967.604
- Chi phí bảo trì phần mềm Bravo	13.213.331	6.054.110
- Chi phí sửa chữa của Trạm phát hành xổ số TP. Hồ Chí Minh	-	16.632.866
- Sửa chữa hệ thống điều hòa	80.400.003	-
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	132.223.334	44.624.535
Cộng	<u>271.770.640</u>	<u>115.279.135</u>

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Tạm ứng	85.820.354	969.505.619
Cộng	<u>85.820.354</u>	<u>969.505.619</u>



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÓ SỐ KIẾN THIẾT CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thẻ hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu năm	39.115.916.883	8.866.921.735	5.324.175.940	218.879.999	53.525.894.557
Mua trong năm	36.625.455	35.000.000	-	110.077.273	181.702.728
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	203.000.000	-	203.000.000
Số cuối năm	39.152.542.338	8.901.921.735	5.121.175.940	328.957.272	53.504.597.285
Hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	19.040.519.570	5.841.247.483	3.065.408.276	199.835.641	28.147.010.970
Khấu hao trong năm	574.593.887	711.054.915	366.749.260	32.083.333	1.684.481.395
Thanh lý, nhượng bán	-	-	90.176.214	-	90.176.214
Số cuối năm	19.326.752.048	6.234.265.107	3.161.905.508	203.009.701	29.741.316.151
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	20.075.397.313	3.025.674.252	2.258.767.664	19.044.358	25.378.883.587
Số cuối năm	19.537.428.881	2.349.619.337	1.779.194.618	97.038.298	23.763.281.134

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.563.932.697.
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thẻ hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	16.172.965.835	264.270.000	16.437.235.835
Mua trong năm	-	-	-
Đầu tư XDCCB hoàn thành	-	-	-
Số cuối năm	16.172.965.835	264.270.000	16.437.235.835
Hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	-	264.270.000	264.270.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	264.270.000	264.270.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	16.172.965.835	-	16.172.965.835
Số cuối năm	16.172.965.835	-	16.172.965.835

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 264.270.000.

12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Khoản mục	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh						
- Đầu tư vào Công ty CP Dịch vụ - In Trần Ngọc Hy Cà Mau(**)	2.826.729.600	2.826.729.600	-	2.826.729.600	2.826.729.600	-
Cộng	2.826.729.600	2.826.729.600	-	2.826.729.600	2.826.729.600	-

(**) Đây là khoản đầu tư vào Công ty CP Dịch vụ - In Trần Ngọc Hy Cà Mau, Công ty đầu tư 2.826.729.600 để sở hữu 249.600 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000, nắm giữ tương đương 48,00% vốn chủ sở hữu. Cổ tức còn lại của năm 2021 được ghi nhận trong năm 2022 là 1.479.934.709, cổ tức 6 tháng đầu năm 2022 là 720.000.000.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Tiền thuê đất của Trạm phát hành xổ số TP. Cần Thơ	3.186.661.385	3.266.666.657
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	-
Cộng	<u>3.186.661.385</u>	<u>3.266.666.657</u>

14. Phải trả người bán

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Công ty CP Truyền thông VNTV	30.000.000	-
Cộng	<u>30.000.000</u>	<u>-</u>



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÔ SỐ KIẾN THIẾT CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thế hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

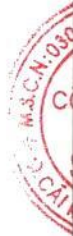
	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
- Thuế GTGT	-	21.466.966.389	499.106.559.663	491.372.894.485	-	29.200.631.567
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	28.998.964.126	656.894.641.961	646.730.163.292	-	39.163.442.795
- Thuế thu nhập đại lý	-	1.656.243.782	41.690.244.946	42.765.865.471	-	580.623.257
- Thuế TNDN	9.074.078.249	-	144.895.735.402	132.483.078.252	-	3.338.578.901
- Thuế TNCN	-	577.614.201	2.704.177.605	2.804.724.966	-	477.066.840
- Thuế thu nhập người trúng thưởng	-	5.783.438.895	140.426.030.000	137.821.940.000	-	8.387.528.895
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	41.197.934	-	590.272.701	549.074.767	-	-
- Các khoản thu tài chính	-	2.664.466.583	578.210.223.313	570.432.313.007	-	10.442.376.889
- Các khoản phải nộp khác	-	-	483.078.251	483.078.251	-	-
Cộng	9.115.276.183	61.147.693.976	2.065.000.963.842	2.025.443.132.491	0	91.590.249.144

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi Cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế. Do vậy, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 có thể sẽ thay đổi khi có quyết toán của Cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỞ KIẾN THIẾT CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thẻ hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty nộp thuế tiêu thụ đặc biệt với thuế suất 15%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2022 được tính như sau:

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	723.780.142.206	395.379.683.318
- Các khoản điều chỉnh tăng	483.078.251	52.250.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	2.199.934.709	2.845.984.715
Thu nhập chịu thuế	722.063.285.748	392.585.948.603
Thu nhập được miễn thuế		-
Thu nhập tính thuế	722.063.285.748	392.585.948.603
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	144.412.657.150	78.517.189.721
Thuế TNDN phải nộp năm trước theo biên bản của kiểm toán nhà nước	483.078.252	-
Thuế TNDN được giảm	-	-
Tổng thuế TNDN phải nộp	<u>144.895.735.402</u>	<u>78.517.189.721</u>

Thuế nhà đất, tiền thuê đất

Thuế nhà đất, tiền thuê đất được nộp theo thông báo của Cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Tiền lương công nhân viên	4.333.659.642	5.305.924.658
- Tiền lương viên chức quản lý	474.536.999	519.987.684
Cộng	<u>4.808.196.641</u>	<u>5.825.912.342</u>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

17. Chi phí phải trả

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Chi phí vận chuyển vé số	-	743.964.000
- Chi phí in vé kết quả xổ số cho đại lý	-	719.691.000
- Hoa hồng trả thưởng hộ phải trả cho đại lý	2.212.389.600	616.665.800
Cộng	<u>2.212.389.600</u>	<u>2.080.320.800</u>

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Kinh phí công đoàn	12.468.676	58.054.180
- Chi trùng thưởng bổ sung	247.009.000	197.409.000
- Thuế TNCN đại lý phải hoàn trả lại	4.268.496.300	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	35.237.801	14.125.600
Cộng	<u>4.563.211.777</u>	<u>269.588.780</u>

19. Dự phòng rủi ro trả thưởng

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
Dự phòng rủi ro trả thưởng	166.194.344.400	94.525.152.600
Cộng	<u>166.194.344.400</u>	<u>94.525.152.600</u>

Đây là số dư dự phòng rủi ro trả thưởng tại ngày 31/12/2022. Công ty trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa cho loại hình doanh thu vé xổ số truyền thống bằng 3% tổng doanh thu có thuế theo quy định tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Quỹ khen thưởng cán bộ công nhân viên	1.915.731.077	2.250.831.078
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành	257.125.813	250.051.063
- Quỹ phúc lợi	956.745.779	1.893.995.778
Cộng	<u>3.129.602.669</u>	<u>4.394.877.919</u>

Các Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập phù hợp với quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỞ KIẾN THIẾT CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

21. Vốn chủ sở hữu

21.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	464.000.000.000	-	464.000.000.000
- Lợi nhuận sau thuế trong năm trước	-	316.862.493.575	316.862.493.575
- Trích lập các quỹ và nộp ngân sách	-	(316.862.493.575)	(316.862.493.575)
+ Trích quỹ thưởng viên chức quản lý	-	(335.750.000)	(335.750.000)
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(4.856.101.731)	(4.856.101.731)
+ Nộp ngân sách	-	(311.670.641.844)	(311.670.641.844)
Số dư đầu năm nay	464.000.000.000	-	464.000.000.000
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	-	579.367.485.056	579.367.485.056
- Trích lập các quỹ và nộp ngân sách	-	(579.367.485.056)	(579.367.485.056)
+ Trích quỹ thưởng viên chức quản lý	-	(253.074.750)	(253.074.750)
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(2.836.500.000)	(2.836.500.000)
+ Nộp ngân sách	-	(576.277.910.306)	(576.277.910.306)
Số dư cuối kỳ tại ngày 31/12/2022	464.000.000.000	-	464.000.000.000

Vốn góp của chủ sở hữu như sau:

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
- Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau	464.000.000.000	100,00%	464.000.000.000	100,00%
Cộng	464.000.000.000	100,00%	464.000.000.000	100,00%

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỞ KIẾN THIẾT CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

21.2 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2022 579.367.485.056

Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022

- Trích quỹ thưởng viên chức quản lý	253.074.750
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.836.500.000
- Thu tài chính	576.277.910.306

Số dư lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31/12/2022 -

22. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp

	31/12/2022	01/01/2022
- Chứng thư bảo lãnh	13.500.000.000	2.750.000.000
- Quyền sử dụng đất của đại lý	94.214.616.741	104.292.280.491
- Sổ tiết kiệm của đại lý	326.728.333.317	270.830.236.532
Cộng	434.442.950.058	377.872.517.023

Đây là các tài sản, giấy tờ nhận thế chấp của đại lý vé số theo quy định tại Thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 04/6/2013 của Bộ Tài Chính.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022		Năm 2021
- Doanh thu có thuế (giá bia)	5.539.829.980.000	(1.1)	3.150.875.093.000
- Trừ: Thuế GTGT phải nộp	503.620.907.302		286.443.190.291
Thuế TTĐB phải nộp	656.894.641.961		373.617.203.994
Doanh thu thuần	4.379.314.430.737		2.490.814.698.725

1.1 Doanh thu có thuế GTGT và thuế TTĐB năm 2022 bao gồm:

	Số tiền
- Doanh thu kinh doanh vé số	5.539.811.480.000
- Doanh thu cung cấp kết quả xổ số	18.500.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cộng		5.539.829.980.000
2. Chi phí kinh doanh xổ số		
	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
- Chi phí trả thưởng	2.668.648.600.000 (2.1)	1.579.441.600.000
- Chi phí phát hành xổ số trực tiếp	965.896.298.999	507.814.924.849
Cộng	3.634.544.898.999	2.087.256.524.849
<i>2.1 Chi tiết chi phí trả thưởng năm 2022 như sau:</i>		
		<u>Số tiền</u>
- Chi phí trả thưởng năm 2022		2.669.614.700.000
- Giảm trừ khoản chi phí trả thưởng không hợp lệ (do các đại lý vé số chi sai)		966.100.000
Cộng		2.668.648.600.000
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
- Lãi tiền gửi ngân hàng	11.792.666.160	12.617.587.769
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.976.364.466	6.936.462.337
- Cổ tức được chia từ Công ty CP Dịch vụ - In Trần Ngọc Hy Cà Mau	2.199.934.709	2.845.984.603
Cộng	19.968.965.335	22.400.034.709
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	28.008.387.413	24.437.537.513
- Chi phí đồ dùng văn phòng	-	615.225.294
- Chi phí khấu hao TSCĐ	418.232.832	1.372.277.903
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	559.548.669
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.286.033.725	2.365.949.860
- Chi phí bằng tiền khác	11.619.208.433	7.675.680.210
Cộng	41.334.862.403	37.026.219.449

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỔ KIẾN THIẾT CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Thu nhập khác

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
- Thu nhập từ thanh lý công cụ, dụng cụ	6.463.636	-
- Thu tiền bán vé thanh hủy	569.629.670	622.250.019
- Thu tiền thanh hủy vé hộ	176.000.002	168.863.637
- Thu lãi từ nợ vượt định mức của đại lý	14.113.678	5.781.231.786
- Thu khác	259.500.000	-
Cộng	<u>1.025.706.986</u>	<u>6.572.345.442</u>

6. Chi phí khác

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
- Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	98.601.199	-
+ Thu nhập từ thanh lý tài sản	18.181.818	-
+ Chi phí thanh lý tài sản	116.783.017	-
- Chi nộp phạt thuế	483.078.251	-
- Chi bồi dưỡng hủy vé ế	67.520.000	-
Cộng	<u>649.199.450</u>	<u>-</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có.

2. **Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỞ KIẾN THIẾT CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm 2022</i>	<i>Năm 2021</i>
- Thu nhập của Chủ tịch Công ty	974.441.917	983.475.029
- Thu nhập của Ban Giám đốc, Kế toán trưởng	1.810.721.871	1.862.359.892
- Thu nhập của Ban kiểm soát	763.505.000	699.508.783
Tổng thu nhập	3.548.668.788	3.545.343.704

2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

<i>Bên liên quan khác</i>	<i>Quan hệ</i>
Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau Công ty CP Dịch vụ - In Trần Ngọc Hy Cà Mau	Chủ sở hữu Công ty liên kết

Các nghiệp vụ giao dịch với các bên liên quan khác

<i>Bên liên quan khác</i>	<i>Khoản mục</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty CP Dịch vụ - In Trần Ngọc Hy Cà Mau	Công in vé số	32.908.810.000
	Cổ tức năm 2021 được chia	1.479.934.709
	Cổ tức 6 tháng đầu năm 2022 được chia	720.000.000

Công nợ với các bên liên quan khác

<i>Bên liên quan khác</i>	<i>Năm 2022</i>	<i>Năm 2021</i>
Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau	-	-
Công ty CP Dịch vụ - In Trần Ngọc Hy Cà Mau	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT CÀ MAU
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

NGƯỜI LẬP



TRẦN BÁ PHÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TÔ HỒNG QUYÊN

Cà Mau, ngày 22 tháng 3 năm 2023

GIÁM ĐỐC




M.S.D.V. : 2000266927 - C.T. TNHH
CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỐ KIẾN THIẾT
CÀ MAU
P. CÀ MAU - T. CÀ MAU

VÕ QUỐC TIẾN



C. T. TNHH
M. T. V. X. S. K. T.
C. M.